

Số: 1797/QĐ-CAT-PV01

Hà Tĩnh, ngày 5 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp  
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 : 2015

**GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH HÀ TĨNH**

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BCA ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2483/QĐ-BCA-V03 ngày 10/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc Ban hành Kế hoạch triển khai xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trong CAND;

Căn cứ Công văn số 4589/V03-P7 ngày 31/8/2023 của Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp - Bộ Công an về việc thẩm định tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 của Công an tỉnh Hà Tĩnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tham mưu Công an tỉnh.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Công an tỉnh Hà Tĩnh phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1650/QĐ-CAT-PV01 ngày 15/8/2022 của Công an tỉnh.

**Điều 3.** Trưởng các phòng; Trưởng Công an các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

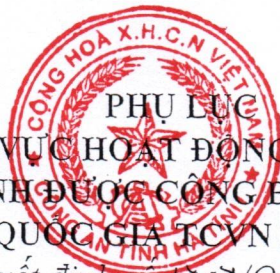
**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục V03 - Bộ Công an;
- UBND tỉnh (qua Sở KH&CN);
- Đ/c Giám đốc;  
(để báo cáo)
- Các đ/c Phó Giám đốc (để p/h chỉ đạo);
- Lưu VT, PV01.



Thượng tá Nguyễn Trung Kiên





**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG AN  
TỈNH HÀ TĨNH ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU  
CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001: 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1747/QĐ-CAT-PV01 ngày 05/9/2023  
của Công an tỉnh Hà Tĩnh)*

1. Lĩnh vực Quản lý xuất, nhập cảnh;
2. Lĩnh vực chính sách;
3. Lĩnh vực Tổ chức cán bộ;
4. Lĩnh vực quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;
5. Lĩnh vực quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;
6. Lĩnh vực đăng ký, quản lý con dấu;
7. Lĩnh vực cấp CMND;
8. Lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú;
9. Lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy;
10. Lĩnh vực Quản lý phương tiện giao thông đường bộ;
11. Lĩnh vực Khiếu nại, tố cáo.





**PHỤ LỤC**  
**HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**  
**TCVN ISO 9001:2015 TRONG CÔNG AN TỈNH HÀ TĨNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 797/QĐ-CAT-PV01 ngày 5 tháng 9 năm 2023 của  
 Công an tỉnh Hà Tĩnh)

STT	TÊN TÀI LIỆU	Mã số
<b>I. QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH (18 TTHC)</b>		
<b>Cấp tỉnh (15 TTHC)</b>		
1	Cấp hộ chiếu phổ thông không gắn chip điện tử trong nước	QT-01/XNC
2	Cấp thẻ tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam	QT-02/XNC
3	Cấp thị thực cho người nước ngoài tại Việt Nam	QT-03/XNC
4	Gia hạn tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam	QT-04/XNC
5	Khai báo tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam qua Trang thông tin điện tử	QT-05/XNC
6	Cấp thẻ thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam	QT-06/XNC
7	Cấp đổi thẻ thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam	QT-07/XNC
8	Cấp lại thẻ thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam	QT-08/XNC
9	Cấp giấy phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới cho người nước ngoài	QT-09/XNC
10	Cấp giấy phép xuất nhập cảnh cho người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam	QT-10/XNC
11	Cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh cho người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam	QT-11/XNC
12	Trình báo mất hộ chiếu phổ thông	QT-12/XNC
13	Gia hạn tạm trú cho người đã được cấp giấy miễn thị thực	QT-13/XNC
14	Khôi phục giá trị sử dụng hộ chiếu phổ thông	QT-14/XNC
15	Cấp văn bản đồng ý cho giải quyết đăng ký thường trú tại Việt Nam đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài	QT-15/XNC
16	Trình báo mất thẻ ABTC	QT-16/XNC
<b>Cấp huyện (01 TTHC)</b>		
17	Trình báo mất hộ chiếu phổ thông	QT-01/XNC-CAH
18	Trình báo mất thẻ ABTC	QT-02/XNC-CAH
<b>Cấp xã (02 TTHC)</b>		
19	Khai báo tạm trú cho người nước ngoài ở Việt Nam bằng Phiếu khai báo tạm trú	QT-01/XNC-CAX
20	Trình báo mất hộ chiếu phổ thông	QT-02/XNC-CAX
21	Trình báo mất thẻ ABTC	QT-03/XNC-CAX
<b>II. ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CON DẤU (05 TTHC)</b>		
22	Đăng ký mẫu con dấu mới	QT-01/QLHC



23	Đăng ký lại mẫu con dấu	QT-02/QLHC
24	Đăng ký thêm con dấu	QT-03/QLHC
25	Đăng ký dấu nổi, dấu thu nhỏ, dấu xi	QT-04/QLHC
26	Đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu	QT-05/QLHC
<b>III. QUẢN LÝ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH, TRẬT TỰ (06 TTHC)</b>		
<b>Cấp tỉnh (03 TTHC)</b>		
27	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự	QT-06/QLHC
28	Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự	QT-07/QLHC
29	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự	QT-08/QLHC
<b>Cấp huyện (03 TTHC)</b>		
30	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự	QT-01/ĐD-CAH
31	Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự	QT-02/ ĐD-CAH
32	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự	QT-03/ ĐD-CAH
<b>IV. QUẢN LÝ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ VÀ CÔNG CỤ HỖ TRỢ (35 TTHC)</b>		
<b>Cấp tỉnh (34 TTHC)</b>		
33	Cấp Giấy phép trang bị vũ khí quân dụng	QT-09/QLHC
34	Cấp Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng	QT-10/QLHC
35	Cấp đổi Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng	QT-11/QLHC
36	Cấp lại Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng	QT-12/QLHC
37	Cấp Giấy phép trang bị vũ khí thể thao	QT-13/QLHC
38	Cấp Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao	QT-14/QLHC
39	Cấp đổi Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao	QT-15/QLHC
40	Cấp lại Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao	QT-16/QLHC
41	Cấp Giấy phép trang bị vũ khí thô sơ	QT-17/QLHC
42	Thông báo khai báo vũ khí thô sơ	QT-18/QLHC
43	Cấp Giấy phép vận chuyển vũ khí	QT-19/QLHC
44	Cấp Giấy phép sửa chữa vũ khí	QT-20/QLHC
45	Cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ quân dụng	QT-21/QLHC
46	Cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp	QT-22/QLHC
47	Điều chỉnh Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp	QT-23/QLHC
48	Cấp Giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ	QT-24/QLHC
49	Điều chỉnh Giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ	QT-25/QLHC
50	Cấp Giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ	QT-26/QLHC
51	Cấp Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ	QT-27/QLHC



52	Cấp đổi Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ	QT-28/QLHC
53	Cấp lại Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ	QT-29/QLHC
54	Cấp Giấy xác nhận đăng ký công cụ hỗ trợ	QT-30/QLHC
55	Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký công cụ hỗ trợ	QT-31/QLHC
56	Cấp Giấy phép vận chuyển công cụ hỗ trợ	QT-32/QLHC
57	Cấp Giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ	QT-33/QLHC
58	Thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và giấy phép, giấy xác nhận, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ	QT-34/QLHC
59	Cấp Giấy phép trang bị, Giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật	QT-35/QLHC
60	Đề nghị làm mất tính năng, tác dụng của vũ khí, công cụ hỗ trợ để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật	QT-36/QLHC
61	Đề nghị xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật	QT-37/QLHC
62	Đề nghị huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ	QT-38/QLHC
63	Cấp, cấp đổi Giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ	QT-39/QLHC
64	Cấp lại Giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ	QT-40/QLHC
65	Cấp, cấp đổi chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ	QT-41/QLHC
66	Cấp lại chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ	QT-42/QLHC
<b>Cấp xã (01 TTHC)</b>		
67	Thông báo khai báo vũ khí thô sơ tại Công an xã, phường, thị trấn	QT-01/VK-CAX
<b>V. ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ (21 TTHC)</b>		
<b>Cấp tỉnh (07 TTHC)</b>		
68	Đăng ký, cấp biển số xe lần đầu	QT-01/CSGT
69	Đăng ký sang tên trong cùng tỉnh	QT-02/CSGT
70	Đăng ký xe từ tỉnh khác chuyển đến	QT-03/CSGT
71	Đổi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe	QT-04/CSGT
72	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe	QT-05/CSGT
73	Đăng ký xe tạm thời	QT-06/CSGT
74	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe	QT-07/CSGT
75	Cấp giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên	QT-08/CSGT





<b>Cấp huyện (07 TTHC)</b>		
76	Đăng ký, cấp biển số xe lần đầu	QT-01/ĐKX-CAH
77	Đăng ký sang tên xe trong cùng điểm đăng ký tại Công an cấp huyện	QT-02/ĐKX-CAH
78	Đăng ký xe từ điểm đăng ký khác chuyển đến tại Công an cấp huyện	QT-03/ĐKX-CAH
79	Đổi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe	QT-04/ĐKX-CAH
80	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe	QT-05/ĐKX-CAH
81	Đăng ký xe tạm thời	QT-06/ĐKX-CAH
82	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe	QT-07/ĐKX-CAH
<b>Cấp xã (07 TTHC)</b>		
83	Đăng ký, cấp biển số xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) lần đầu tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe	QT-01/ĐKX-CAX
84	Đăng ký sang tên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) trong điểm đăng ký tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe	QT-02/ĐKX-CAX
85	Đăng ký xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) từ điểm đăng ký xe khác chuyển đến tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe	QT-03/ĐKX-CAX
86	Đổi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe	QT-04/ĐKX-CAX
87	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe	QT-05/ĐKX-CAX
88	Đăng ký tạm thời xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe	QT-06/ĐKX-CAX
89	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe tại Công an cấp xã	QT-07/ĐKX-CAX
<b>VI. TỔ CHỨC CÁN BỘ (04 TTHC)</b>		
90	Tuyển sinh vào các trường Công an nhân dân tại Công an cấp tỉnh	QT-01/TCCB
91	Tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân	QT-02/TCCB
92	Tuyển lao động hợp đồng trong Công an nhân dân	QT-03/TCCB
93	Tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân	QT-04/TCCB
<b>VII. CHÍNH SÁCH (16 TTHC)</b>		
94	Xét hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với Sĩ quan, hạ sĩ quan, cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên Công an nhân dân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở chiến trường B, C, K trong khoảng thời gian từ ngày 20-7-1954 đến 30-4-1975, về gia đình từ ngày 31-12-1976 trở về trước, chưa được hưởng một trong các chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc, bệnh binh,	QT-05/TCCB



	mất sức lao động hàng tháng và chế độ hưu trí hàng tháng, trước khi về gia đình thuộc biên chế Công an nhân dân	
95	Xét hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội nhân dân, công an nhân dân tham gia chiến đấu, hoạt động ở các chiến trường B, C, K sau đó trở thành người hưởng lương; thanh niên xung phong hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, cán bộ dân chính đảng hoạt động cách mạng ở chiến trường B, C, K từ 30-4-1975 trở về trước không có thân nhân chủ yếu (vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi; con đẻ, con nuôi hợp pháp) phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc	QT-06/TCCB
96	Xét hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với những người công tác bí mật với cơ quan Công an được Công an từ cấp huyện (quận), Ban An ninh huyện (quận)... trở lên tổ chức, quản lý và giao nhiệm vụ hoạt động trong khoảng thời gian từ tháng 7-1954 đến 30-4-1975 ở chiến trường B, C, K, D (kể cả số đã chết)	QT-07/TCCB
97	Xét hưởng chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương	QT-08/TCCB
98	Xét hưởng chế độ đối với người trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước tại Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT-09/TCCB
99	Xét công nhận liệt sỹ, cấp bằng "Tổ quốc ghi công" và "Giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ" đối với liệt sỹ và thân nhân liệt sỹ	QT-10/TCCB
100	Xét công nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 và người hoạt động cách mạng từ 01/01/1945 đến trước tổng khởi nghĩa 19/8/1945	QT-11/TCCB
101	Xét hưởng trợ cấp đối với thương binh, người được hưởng chính sách như thương binh	QT-12/TCCB
102	Xét hưởng trợ cấp hằng tháng hoặc trợ cấp một lần đối với Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động trong kháng chiến	QT-13/TCCB
103	Xét trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học	QT-14/TCCB
104	Xét hưởng trợ cấp hằng tháng hoặc trợ cấp một lần đối với Bệnh binh	QT-15/TCCB
105	Cấp thẻ bảo hiểm y tế	QT-16/TCCB
106	Cấp đổi thẻ bảo hiểm y tế	QT-17/TCCB
107	Cấp lại thẻ bảo hiểm y tế	QT-18/TCCB
108	Xét khen thưởng trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	QT-19/XDPT
<b>VIII. KHIẾU NẠI, TỐ CÁO (06 TTHC)</b>		
<b>Cấp tỉnh (02 TTHC)</b>		
109	Giải quyết khiếu nại về quyết định hành chính, hành vi hành chính của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân	QT-01/TT
110	Giải quyết tố cáo không thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân	QT-02/TT





<b>Cấp huyện (02 TTHC)</b>		
111	Giải quyết khiếu nại về quyết định hành chính, hành vi hành chính của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân	QT-01/KNTC-CAH
112	Giải quyết tố cáo không thuộc lĩnh vực tổ tụng hình sự của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân	QT-02/KNTC-CAH
<b>Cấp xã (02 TTHC)</b>		
113	Giải quyết khiếu nại về quyết định hành chính, hành vi hành chính của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân	QT-01/KNTC-CAX
114	Giải quyết tố cáo không thuộc lĩnh vực tổ tụng hình sự của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân	QT-02/KNTC-CAX
<b>IX. PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ (26 TTHC)</b>		
<b>Cấp tỉnh (17 TTHC)</b>		
115	Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy	QT-01/PCCC
116	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ thuộc loại 1, loại 2, loại 3, loại 4 và loại 9 bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, trên đường thủy nội địa (trừ vật liệu nổ công nghiệp)	QT-02/PCCC
117	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ thuộc loại 1, loại 2, loại 3, loại 4 và loại 9 bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, trên đường thủy nội địa (trừ vật liệu nổ công nghiệp)	QT-03/PCCC
118	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ trên đường sắt (trừ vật liệu nổ công nghiệp)	QT-04/PCCC
119	Cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ	QT-05/PCCC
120	Cấp đổi chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ	QT-06/PCCC
121	Cấp lại chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ	QT-07/PCCC
122	Kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy	QT-08/PCCC
123	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy	QT-09/PCCC
124	Cấp đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy	QT-10/PCCC
125	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy	QT-11/PCCC
126	Nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy	QT-12/PCCC
127	Phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở	QT-13/PCCC
128	Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân	QT-14/PCCC
129	Cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy	QT-15/PCCC
130	Cấp đổi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy	QT-16/PCCC
131	Cấp lại Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy	QT-17/PCCC
<b>Cấp huyện (08 TTHC)</b>		



132	Cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy	QT-01/PCCC-CAH
133	Cấp đổi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy	QT-02/PCCC-CAH
134	Cấp lại Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy	QT-03/PCCC-CAH
135	Phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở	QT-04/PCCC-CAH
136	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ thuộc loại 1, loại 2, loại 3, loại 4 và loại 9 bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, trên đường thủy nội địa (trừ vật liệu nổ công nghiệp)	QT-05/PCCC-CAH
137	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ thuộc loại 1, loại 2, loại 3, loại 4 và loại 9 bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, trên đường thủy nội địa (trừ vật liệu nổ công nghiệp)	QT-06/PCCC-CAH
138	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ trên đường sắt (trừ vật liệu nổ công nghiệp)	QT-07/PCCC-CAH
139	Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân	QT-08/PCCC-CAH
<b>Cấp xã (01 TTHC)</b>		
140	Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân	QT-01/PCCC-CAX
<b>X. ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CƯ TRÚ (12 TTHC)</b>		
<b>Cấp xã (11 TTHC)</b>		
141	Tách hộ	QT-01/QLCT-CAX
142	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong cơ sở dữ liệu về dân cư	QT-02/QLCT-CAX
143	Khai báo thông tin về cư trú đối với người chưa đủ điều kiện đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú	QT-03/QLCT-CAX
144	Xác nhận thông tin về cư trú	QT-04/QLCT-CAX
145	Đăng ký thường trú	QT-05/QLCT-CAX
146	Xóa đăng ký thường trú	QT-06/QLCT-CAX
147	Đăng ký tạm trú	QT-07/QLCT-CAX
148	Gia hạn tạm trú	QT-08/QLCT-CAX
149	Xóa đăng ký tạm trú	QT-09/QLCT-CAX
150	Thông báo lưu trú	QT-10/QLCT-CAX
151	Khai báo tạm vắng	QT-11/QLCT-CAX



<b>XI. CẤP, QUẢN LÝ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN (16 TTHC)</b>		
<b>Cấp tỉnh (07 TTHC)</b>		
152	Khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	QT-43/QLHC
153	Khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu căn cước công dân	QT-44/QLHC
154	Cấp thẻ căn cước công dân khi thông tin công dân đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	QT-45/QLHC
155	Cấp thẻ căn cước công dân khi thông tin công dân chưa có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	QT-46/QLHC
156	Đổi thẻ căn cước công dân	QT-47/QLHC
157	Cấp lại thẻ căn cước công dân	QT-48/QLHC
158	Xác nhận số chứng minh nhân dân, căn cước công dân	QT-49/QLHC
<b>Cấp huyện (07 TTHC)</b>		
159	Khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	QT-01/CCCD-CAH
160	Khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu căn cước công dân	QT-02/CCCD-CAH
161	Cấp thẻ căn cước công dân khi thông tin công dân đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	QT-03/CCCD-CAH
162	Cấp thẻ căn cước công dân khi thông tin công dân chưa có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	QT-04/CCCD-CAH
163	Đổi thẻ căn cước công dân	QT-05/CCCD-CAH
164	Cấp lại thẻ căn cước công dân	QT-06/CCCD-CAH
165	Xác nhận số chứng minh nhân dân, căn cước công dân	QT-07/CCCD-CAH
<b>Cấp xã (02 TTHC)</b>		
166	Khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	QT-01/CCCD-CAX
167	Thông báo số định danh cá nhân	QT-02/CCCD-CAX
<b>XII. Định danh và xác thực điện tử (04 TTHC)</b>		
<b>Cấp tỉnh (02 TTHC)</b>		
168	Đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2 đối với công dân Việt Nam tại Công an tỉnh	QT-49/QLHC
169	Đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2 đối với người nước ngoài tại Công an tỉnh	QT-16/XNC
<b>Cấp huyện (01 TTHC)</b>		
170	Đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2 đối với công dân Việt Nam tại Công an cấp huyện	QT-01/ĐDDĐT-CAH
<b>Cấp xã (01 TTHC)</b>		
171	Đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2 đối với công dân Việt Nam tại Công an cấp xã	QT-01/ĐDDĐT-CAX